

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-PT

Ngày 31 - 10 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 125/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Quách Văn N, sinh năm 1996, (có mặt).

Địa chỉ: ấp I, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị Tô Mỹ X, sinh năm 2000, (có mặt).

Địa chỉ: ấp I, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị S, sinh năm 1975, (có mặt)

Địa chỉ: ấp I, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Tô Mỹ X, sinh năm 2000.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Quách Văn N và chị Tô Mỹ X thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị X xây dựng hôn nhân trên tình thân tự

nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến khoảng tháng 3/2022 chị X về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Trong quá trình chung sống, anh chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và chị X cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Về con chung và nợ chung: Anh N và chị X thống nhất xác định, vợ chồng không có con chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh N, chị X thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng là 15 chỉ vàng 24k, trong đó 10 chỉ vàng 24K do cha mẹ cho trong ngày cưới, trong thời gian chung sống vợ chồng mua sắm thêm được 05 chỉ vàng 24K.

Theo chị X xác định: Khi về nhà cha mẹ ruột ở chị không mang theo 15 chỉ vàng 24k mà gửi cho và S là mẹ chồng quản lý, nên chị yêu cầu bà S trả lại 15 chỉ vàng 24K để chia khi ly hôn.

Theo anh N xác định: Trong thời gian còn sống chung với chị X, anh có hùn vốn mua tôm với anh T, do việc mua bán thu lỗ, thiếu nợ, nên anh đã bán 05 chỉ vàng 24k để trả, sau khi chị X về nhà cha mẹ ruột ở, do anh không có tiền tiêu xài, dịch bệnh không đi làm được nên anh đã bán thêm 07 chỉ vàng 24K, khi bán số vàng này anh không có hỏi ý kiến của chị X, hiện nay anh còn giữ 03 chỉ vàng 24k, anh xác định bà S không có quản lý số vàng là tài sản chung vợ chồng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà S trình bày: Trong ngày cưới có cho vợ chồng N và X 10 chỉ vàng 24K, trong thời gian vợ chồng sống chung có mua thêm 5 chỉ vàng 24K, vợ chồng N và X giữ số vàng chung của vợ chồng, bà không có giữ vàng chung của vợ chồng N, nên không đồng ý giao trả theo yêu cầu của chị X.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Văn N và chị Tô Mỹ X.

2. Về con chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Tô Mỹ X về việc yêu cầu chia tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Tô Mỹ X yêu cầu chia tài sản chung là 03 chỉ vàng 24k. Chia cho chị X 01 chỉ 05 phần vàng 24k, chia cho anh N 01 chỉ 05 phần vàng 24k, buộc anh N có trách nhiệm giao cho chị X 01 chỉ 05 phần vàng 24k.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2022, chị Tô Mỹ X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được chia tài sản chung cho mỗi người 7,5 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Tô Mỹ X vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, có căn cứ xác định tài sản chung của anh N, chị X là 15 chỉ vàng 24K. Trong thời gian chung sống, anh N có làm ăn tạo thu nhập mua được 05 chỉ vàng 24K và cũng có thiếu nợ, nên anh N bán 05 chỉ vàng 24K để trả nợ là phù hợp. Đối với 07 chỉ vàng anh N bán sau khi chị X không còn sống chung với anh N, nhưng anh N bán vàng là tài sản chung không được sự đồng ý của chị X, nên anh N phải tự chịu. Do đó, tài sản chung của anh chị còn lại 10 chỉ vàng 24K, nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị X.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị X, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2022/DSST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, theo hướng chia cho anh N và chị X mỗi người 05 chỉ vàng 24K, buộc anh N có trách nhiệm giao trả cho chị X 05 chỉ vàng 24K. Án phí dân sự phúc thẩm chị X không phải chịu, án phí chia tài sản các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần tố tụng

[1.1] Đơn kháng cáo của chị X nộp trong thời hạn luật định, nội dung và hình thức đơn kháng cáo được làm đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Các phần quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ về hôn nhân, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét.

[2] Về nội dung: Anh N và chị X tranh chấp việc chia tài sản chung là 15 chỉ vàng 24K. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, anh chị thống nhất

xác định tài sản chung vợ chồng là 15 chỉ vàng 24K, do anh N quản lý. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét kháng cáo của chị X yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy;

Đối với 05 chỉ vàng 24k anh N bán trong thời gian vợ chồng còn sống chung. Mặc dù khi anh N bán vàng không có bàn bạc và được sự đồng ý của chị X, nhưng trong thời gian sống chung anh N có hùn với người khác nuôi tôm và có mua sắm được 05 chỉ vàng 24k, chị X cũng thừa nhận điều này, trong thời gian làm ăn thua lỗ, anh N bán 05 chỉ vàng 24k để trả nợ là căn cứ để chấp nhận, vì thời điểm bán vàng chị X và anh N còn sống chung, việc bán vàng để trả nợ cũng là nợ chung của vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định khi chị X về nhà cha mẹ ruột sinh sống anh N chỉ còn quản lý 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung vợ chồng.

Đối với 07 chỉ vàng 24k anh N bán trong thời kỳ vợ chồng không còn sống chung, theo anh N xác định khi về nhà cha mẹ ruột ở, chị X mang hết tiền là tài sản chung của vợ chồng đi, anh không có tiền chi tiêu và do dịch bệnh anh không đi làm được, nên anh đã bán thêm 07 chỉ vàng 24k để chi tiêu. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng chị X không thừa nhận khi về nhà cha mẹ chồng chị có mang theo tiền là tài sản chung vợ chồng, anh N không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị X có mang theo tiền là tài sản chung của vợ chồng, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của anh N, việc anh bán 07 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng để chi xài cho nhu cầu cá nhân của anh, cấp sơ thẩm nhận định anh N bán 07 chỉ vàng 24k để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình là không có căn cứ, vì anh N và chị X không có con chung. Do đó, không chấp nhận anh N bán 07 chỉ vàng 24k, nên tài sản chung của anh N và chị X còn 10 chỉ vàng 24k, do anh N trực tiếp quản lý, nên chị X có yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chia đôi tài sản chung là 03 chỉ vàng 24k còn lại cho chị X và anh N, là chưa xem xét đánh giá toàn diện việc anh N bán vàng là tài sản chung, nên cần sửa phần này của án sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng anh N và chị X không thỏa thuận được phân chia tài sản chung vợ chồng, nên căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chia đôi 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của anh chị là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị X, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chia cho chị X và anh N mỗi người 05 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự chia tài sản mặc dù các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị, nhưng việc chấp nhận một phần kháng cáo của chị X làm thay đổi nghĩa vụ dân sự, nên cần sửa phần án phí dân sự chia tài sản theo quy định pháp luật. Theo đó, chị X, anh N mỗi người được chia 05 chỉ vàng 24k, phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch 5% bằng số tiền 1.330.000đ (Một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng).

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị X không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Tô Mỹ X. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 29, 30, 51, 56 và , Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Văn N, sinh năm 1996 và chị Tô Mỹ X, sinh năm 2000.

2. Về tài sản chung:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Tô Mỹ X đối với anh Quách Văn N.

- Chia cho chị Tô Mỹ X 05 (Năm) chỉ vàng 24k

- Chia cho anh Quách Văn N 05 (Năm) chỉ vàng 24k.

Anh Quách Văn N đang quản lý 10 chỉ vàng 24k, buộc anh Quách Văn N có trách nhiệm giao trả cho chị Tô Mỹ X 05 chỉ vàng 24k, loại vàng khâu 99,8%.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Tô Mỹ X yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k là tài sản chung vợ chồng.

3. Về con chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí chia tài sản và án phí dân sự phúc thẩm:

4.1 Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Quách Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh Quách Văn N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0002391 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2. Án phí dân sự chia tài sản có giá ngạch: Chị Tô Mỹ X và anh Quách Văn N, mỗi người phải chịu số tiền 1.330.000đ. Chị Tô Mỹ X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 975.000 đồng, theo Biên lai thu số 0002425 ngày 16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, buộc chị Tô Mỹ X phải nộp thêm số tiền 355.000đ, (Ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

4.3. Án phí phúc thẩm dân sự: Chị Tô Mỹ X không phải chịu, chị Tô Mỹ X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0009370 ngày 15/8/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã L, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn